

Dân Tộc và Nho Giáo (Khổng Học) (Trích Trong Giải Đáp Về Chủ Trương của Tủ Sách Việt Thường)

Lời dẫn nhập

Ông Toynbee, một học giả nổi tiếng người Anh đã viết bộ sách lớn của ông là “A Study of History” rằng từ cổ chí kim có 29 nền văn minh. Nhưng khi viết đến quyển cuối thì ông phải sửa lại là có 32 nền văn minh. Và nền văn minh Việt Nam (văn minh Việt Nam chứ không phải là văn minh Bách Việt – chữ của người viết), nằm ngang với các nền văn minh khác như Trung Hoa, Ấn Độ, La Mã, Hy Lạp,

Trong bài viết “Tháp Sáng Lại Quá Khứ Bị Lãng Quên” (New Light On A Forgotten Past) giáo sư Wilhelm G. Solheim II, PhD đã viết: tôi đồng ý với ông Saucer là việc thuần hóa những cây canh nông được những người thuộc **nền văn hóa Hòa Bình** thực hiện đầu tiên tại một vùng nào đó ở Đông Nam Á. Tôi không ngạc nhiên nếu việc thuần hóa này đã từ năm 15 T.T.L.

Tôi nghĩ rằng những dụng cụ đá mài có lưỡi bén tìm thấy ở Bắc Úc với tuổi là khoảng 20,000 T.T.L. đo bằng C-14 có nguồn gốc từ nền văn hóa Hòa Bình....

Những giả thuyết cổ điển về thời tiền sử của Đông Nam Á thường cho rằng có những cuộc di dân mang theo những kỹ thuật quan trọng từ miền bắc xuống Đông Nam Á. Tôi đề nghị ngược lại vào thời đại Tân Thạch Khí, nền văn hóa Bắc Trung Hoa **bắt nguồn từ một chi của nền văn hóa Hòa Bình** ở miền bắc Đông Nam Á vào khoảng năm 6,000-7,000 T.T.L.

Tôi nghĩ rằng nền **văn hóa Long Sơn** không phải là phát sinh từ Ngưỡng Thiều ở miền bắc Trung Hoa mà **phát sinh từ miền nam Trung Hoa rồi lan lên phía bắc**. Cả hai nền văn hóa Long Sơn và Ngưỡng Thiều đều **bắt nguồn từ nền văn hóa Hòa Bình** (National Geographic, March 1971).

Dân Tộc và Nho Giáo

Như vậy, chỉ những người mà nội lực dân tộc bị thui chột, dòng tâm thức dân tộc bị băng hoại, không đứng được trên hai chân của mình, còn lệ thuộc vào sách vở kinh điển mới tìm mọi lý lẽ biện giải, biện hộ cho việc tự nguyện làm nô lệ tư tưởng Tàu qua cái hóa mù “thuật nhi bất tác” để tôn thờ Khổng Tử.

Dòng sông và dòng tâm thức dân tộc luôn luôn biến chuyển theo đà tiến hóa của nhân loại. Tìm cách trở về dòng sông và dòng tâm thức thời quá khứ cả mấy ngàn năm trước là không hợp tình hợp lý.

Hơn nữa, ngày nay trên thế giới không có dân tộc nào là dân tộc thuần chủng. Theo các nhà dân tộc học, trên lãnh thổ Việt Nam có 54 tộc người sinh sống. Dân tộc Mỹ cũng gồm nhiều chủng tộc khác nhau, Âu – Á – Phi, ... Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp, v.v... cũng thế.

Những người Việt Nam quên cội nguồn mình là dân tộc Việt Nam bị ám ảnh bởi cái hào quang quá khứ của các nhóm Bách Việt sống trên đất Tàu, nếu không muốn nói bị điệu kiện hóa bởi “chủng tộc Bách Việt”. Thực ra “nếu bỏ Nho thì chỉ thấy ngọn, chứ chưa đến tận gốc của văn hóa vì Nho giáo chứa đựng những hằng số của văn hóa nước ta”.

Bình tâm nhận xét thì sẽ thấy rằng “thuật nhi bất tác” là thủ đoạn gian trá của Khổng Tử, đánh lừa các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu (xem phần sau). Tư tưởng siêu việt của Khổng Tử được giới thống trị Trung Quốc xem như một báu vật để củng cố ngai vàng, thực hiện chính sách độc tài chuyên chế.

Nói một cách ngắn ngọn Khổng Tử là phương tiện có giá trị lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thống trị của giới thống trị Trung Quốc suốt chiều dài lịch sử.

Từ một gã lưu manh, ngồi trên lưng ngựa mà lấy được thiên hạ, Lưu Bang trở thành Hoàng Đế Trung Hoa, coi thường văn sĩ nho sinh, thậm chí tới mức khi có dịp gặp nhà Nho, Hán Cao Tổ thường giạt mũ của họ, **rời đi tiếu vào đó**. Để củng cố ngai vàng, Hán Cao Tổ trở thành tín đồ của Khổng Tử, sử dụng hàng loạt cả trăm nho sĩ. Tư tưởng nho gia trở thành “**tín ngưỡng chính thống**” của đế quốc Hán. Nho giáo trở thành “**quốc giáo**” và ông vua chuyên chế trở thành “**cha mẹ của dân**” và kẻ làm vua không làm điều gì sai. Nhà nho đã dạy cho Hán Cao Tổ giống Tần Thủy Hoàng, củng cố chính thể chuyên chế khắc nghiệt tàn bạo dã man, kéo dài trên 400 năm.... Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều dùng **chiến tranh bạo lực** để chiếm đoạt ngai vàng. Rồi để giữ vững triều đại đều dùng tư tưởng Khổng tử để dân Tàu khuất phục, phục vụ chế độ chuyên chế.

Điểm đáng lưu ý là mô hình do Khổng Tử và môn sinh khiến lập có một hấp lực rất lớn đối với các chế độ toàn trị và hình thức giả hình “ngoại Nho” (hay ngoại Vương) nội pháp (Thường Nhược Thủy, Cuộc Xâm Lăng Không Tiếng Súng, Trang 163).

Mao Trạch Đông gọi “cái học của Khổng Tử là cái học ăn cứt” (Khổng Khuru nghiêêt phần chi học). Hiện nay, tình hình đất nước “**tạm yên**”, kinh tế đang trên đà phát triển, cải thiện được đời sống khoảng 300-400 triệu người sống ở các độ thị, tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc e ngại gần một tỉ còn lại sống nghèo đói thống khổ ở thôn quê nổi loạn. Tập đoàn Hồ Cẩm Đào, đệ tử của Hoàng đế Mao Trạch Đông, lại phục hồi tư tưởng Khổng Tử, ru ngủ dân Tàu, ngoan ngoãn sống, tuân phục và phục vụ chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị. “Nhìn chung Khổng Tử vẫn còn giá trị lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thống trị. Như vậy thì Khổng Tử nên được coi là vạn thể sư biểu hay là thiên cổ tội nhân đối với Trung Quốc nói riêng và nền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ nói chung của Việt Nam và Đông Nam Á?” (Thường Nhược Thủy – Khổng Tử và Các Nho Gia Khổng Môn đã Hình Thành Dân Tộc và Đất Nước Trung Hoa Như Thế Nào?, Cuộc Xâm Lăng Không Tiếng Súng, N.X.B Tủ Sách Việt Thường, năm 2005, trg 146-166, www.tusachvietthuong.org).

Thực tế lịch sử cho thấy, tư tưởng siêu việt của Khổng Tử như tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ (họ đang bình thiên hạ ở Tây Tạng, ở biên giới và biển đông Việt Nam), vương đạo, chính danh, nhân ái, nhân trị, hòa nhi bất đồng, tứ hải giai huynh đệ chỉ tìm thấy trong sách vở hoặc trên đầu môi chót lưỡi của giai cấp thống trị (vua, quan) đánh lừa thiên hạ, ru ngủ người dân để tuân phục giới thống trị.

Chủ nghĩa bành trướng bá quyền, nét đặc thù độc đáo nhất trong sự hình thành nước Trung Quốc từ triều đại này qua triều đại khác. Tập đoàn lãnh đạo phương Bắc quyết tâm xóa sạch văn hóa Bách Việt một cách có hệ thống, từ Quản Trọng, Khổng Tử, cho đến Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông. Thế hệ của Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào bây giờ cũng không đi ra ngoài sự chỉ giáo thâm độc của Khổng Tử: phải làm như Quản Trọng – phối hợp quân sự và văn hóa – để đồng hóa người Việt Nam trở thành người Tàu như dân Quảng Đông và Quảng Tây.

Thái Độ Của Người Việt Trong Mặt Trận Văn Hóa Giữa Ta và Tàu

Mặt trận văn hóa giữa Ta và Tàu hiện nay vô cùng ác liệt và rất nguy hiểm. Ác liệt và nguy hiểm ở chỗ Tàu tìm mọi cách xóa sạch văn hóa Việt Nam với sự tiếp tay của một số trí thức khoa bảng Việt Nam tôn thờ Khổng Tử và say mê Tứ Thư Ngũ Kinh, thơ Đường và những người cầm quyền ở Hà Nội – thân Việt óc Tàu – dựa vào Trung Quốc để tồn tại.

Xây “miếu thờ Khổng Tử” ở các làng xã, lập “viện Khổng Học” dùng Tứ Thư Ngũ Kinh để nô lệ hóa nếp nghĩ (tư tưởng) của người Việt Nam, tức xây đền thờ Khổng Tử trong lòng người dân Việt. Nô lệ tư tưởng là nô lệ từ trong tim óc, đưa đến “dân tộc nạn”, nghĩa là mất nước mà dân tộc cũng bị đồng hóa trở thành người Tàu. Cơ cấu làng xã, thành trì kiên cố chống xâm lược chính trị và văn hóa sẽ bị phá nát. Óc chứa đầy Tứ Thư Ngũ Kinh; Khổng Tử ngự trị trong tâm hồn thì tâm Việt hồn Việt sẽ bị thui chột, tinh thần dân tộc bị băng hoại, lòng yêu nước cũng không còn. Lúc ấy như dân Quảng Đông, Quảng Tây, người Việt sẽ trở thành loại người thân Việt óc Tàu, dân tộc Việt Nam bị đồng hóa như các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu. Văn hóa là linh hồn của dân tộc. Linh hồn bị tha hóa thì dân tộc sẽ không thoát khỏi nạn diệt vong.

Cũng như ông cha chúng ta ngày xưa, dân tộc Việt Nam sẽ thắng trong mặt trận văn hóa vô cùng khốc liệt này. Chế độ cộng sản, tập đoàn tay sai của Tàu sẽ ra đi; miếu thờ Khổng Tử rồi cũng giống như miếu thờ Sầm Nghi Đống; viện Khổng học nơi tập trung sách lược và những kế hoạch cướp nước và đồng hóa của kẻ xâm lược sẽ trở thành trung tâm nghiên cứu ý đồ của Tàu dùng Nho giáo và Khổng Tử để lãnh đạo tư tưởng vùng Đông Bắc Á, Đông Nam Á nói riêng và thế giới nói chung(!); Chỉ một số nhỏ trí thức giỏi chữ Hán, câu nệ sách vở, tôn thờ Khổng Tử, xem Tứ Thư Ngũ Kinh là nguồn gốc của văn hóa Việt Nam thì làm sao cưỡng bức 95% người dân Việt đọc Tứ Thư Ngũ Kinh, mà hầu hết không biết Khổng Tử là ai và không đọc được chữ Hán. Không lẽ người Việt Nam phải học chữ Hán như người Bách Việt sống trên đất Tàu để đọc Tứ Thư Ngũ Kinh; hoặc phải hoàn toàn lệ thuộc những người giỏi chữ Hán. Việc làm này sẽ thui chột tinh thần dân tộc và người Việt sẽ bị đồng hóa trở thành người Tàu (sic).

Chế độ, hiện tượng ngoại nhập, tất cả sẽ ra đi theo thời gian, chỉ có dân tộc mới vĩnh cửu. Chúng ta không **bài ngoại**. Thế giới ngày nay và mai sau không cho phép chúng ta xây một ốc đảo trong lòng nhân loại. Hơn nữa môi trường sống của dân tộc Việt Nam cũng không cho phép. Vị trí địa lý nước Việt Nam – nơi giao lưu các luồng văn hóa Đông-Tây-Kim-Cổ đã tạo cho dân tộc Việt Nam tinh thần khai phóng và dung hòa trong giao lưu. Tiến sĩ H.R. Ferraye cho rằng tính đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính “**không chối từ**” của nó. Thực ra, nó chỉ có một chối từ là đồng hóa cưỡng bức. Còn lại, nó tìm cách dung hòa và hội nhập mọi sở đặc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam Đảo, của Âu Tây... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật (Trần Quốc Vương, sdd, Trang 44).

Trên diễn trình lịch sử, nước Việt Nam, người Việt Nam tiếp thu nhiều ảnh hưởng của văn hóa, chính trị Trung Quốc rồi Tây Phương, Bắc Mỹ nhưng vẫn duy trì **bản sắc** văn hóa của chính mình.

Chúng ta không chủ trương yêu nước “**curc doan**”, chỉ có ta không có người. Ông cha ta đã dạy: “*rằng trong lẽ phải có người có ta*”, và “*ghét người, thì lại hóa ra ghét mình*”. Nói cách khác trong ta có người, trong người có ta. Con người thật sự là “người” chỉ khi con người ấy ở trong mối quan hệ đủ màu đủ vẻ với người thì con người ấy mới là “**người trưởng thành**” đích thực.

Nhưng luôn luôn ý thức bảo tồn, truyền thừa và phát triển **các giá trị vĩnh hằng do dân tộc sáng tạo và tích lũy qua quá trình lịch sử, nhằm duy trì dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc và phát huy** ngày thêm tốt đẹp, trong vườn hoa văn hóa nhân loại.

Hãy thận trọng đừng để rơi vào cái bẫy của các thế lực quốc tế với mưu đồ **xóa bỏ bản sắc dân tộc** của các nước nhỏ để thống trị thế giới qua **kinh tế, tôn giáo và văn hóa**.

Một khi đánh mất đi ý thức dân tộc, không còn hồn dân tộc, con người sẽ giống như một loại cây bị tróc rễ, bật gốc (vong bản). Người ấy dần dần bị tha hóa, không còn bản sắc, mất đi nội lực và sống dật dờ như bọt bèo trên dòng nước (Thường Nhược Thủy – Đạo Sống Việt – Tủ Sách Việt Thường, năm 2000, Trang 9).

Chúng ta học hỏi văn hóa, văn học, triết học Trung Quốc, học chữ Hán, học nói tiếng Bắc Kinh, nhưng chúng ta học với ý thức, học cái hay, bỏ cái dở chứ **không phải học để trở thành kẻ nô lệ tư tưởng Tàu**, rồi trọng Tàu, sợ Tàu và trở thành kẻ vong bản. Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia láng giềng liên hệ lịch sử, văn hóa gắn bó, nên cần phải chú ý và đánh giá xác đáng các xu hướng cũng như ảnh hưởng của nó. Thái độ của ông cha ta trong giao lưu văn hóa “*Có rế thì đỡ nóng tay*” hoặc “*có dép, có giày, thì đỡ nóng chân*”.

*Ăn sung ngồi gốc cây sung,
Lấy anh thì lấy nằm chung không nằm.*

Xem cái hay, cái đẹp của văn hóa ngoại nhập là cái rế, giày, dép chứ không phải là bản sắc văn hóa dân tộc. Đừng để rơi vào trạng thái “**buồn ngủ gặp chiếu manh**” xem văn hóa Tàu (Tứ Thư Ngũ Kinh) là cái phao để nắm bắt **cho đó như là tinh hoa của tư tưởng Việt**.

Vào thư viện của Anh hoặc Mỹ v.v... chúng ta sẽ thấy sách nghiên cứu về Nho Giáo rất nhiều. Một số học giả Tây phương đã dày công nghiên cứu về Khổng Tử, họ phân tích xác đáng, đi sâu vào nhiều điểm còn hơn cả các nho sĩ, các khoa bảng của ta. Nhưng họ không nô lệ tư tưởng Tàu, không tôn thờ Khổng Tử. Họ không xem Khổng Tử là ông thánh bất khả xâm phạm. Họ không xem văn học Trung Quốc là siêu việt như một số khoa bảng Việt Nam, ăn không ngồi rồi, nhần tâm vô trách nhiệm, trước quốc nạn khủng khiếp của dân tộc. Nghịch lý thay!

Một số nhà khoa bảng Việt Nam lại vô tình đóng vai trò **đoàn quân tiên phong của Trung Quốc** trong mặt trận văn hóa giữa ta và Tàu, tiếp tay cho việc Hán hóa đầu óc dân tộc Việt Nam. Tứ Thư Ngũ Kinh là chữ nghĩa hóa tư tưởng của đại tộc Bách Việt sống trên đất Tàu qua lăng kính du mục để phục vụ giới thống trị du mục phương Bắc. Lịch sử cho thấy Khổng học, Nho

giáo đã trở thành công cụ của giới thống trị – từ Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên (Mông Cổ), Minh, Thanh (Mãn Thanh) cho đến Cộng Sản.

Đó không phải là nếp sống, nếp nghĩ của cư dân sống ở đồng bằng sông Mã và sông Hồng. Lạc Việt đã cùng với các bộ tộc sống ở đồng bằng sông Mã và sông Hồng hình thành cộng đồng dân tộc của nước Văn Lang về sau gọi là dân tộc Việt Nam.

Có một vài điểm giống nhau là lẽ đương nhiên vì cùng cách làm ăn (trồng lúa nước) cùng lối sống (định cư) cùng khu vực khí hậu Đông Nam Á.

Hơn nữa, sách vở, chữ nghĩa chỉ là khái niệm, là cái xác chết, là căn bã của người xưa, một đồng ngôn ngữ trống rỗng. Ngôn từ, chữ nghĩa chỉ nói về sự thật chứ không phải là sự thật.

Cho nên, người của đại tộc Bách Việt, kể cả những người được vinh danh là hiền triết (Bách Việt Tiên Hiền Chí) đọc Tứ Thư Ngũ Kinh hơn 2000 năm qua cũng không thể phục hoạt được tinh thần dân tộc, ý chí tự chủ, hồn dân tộc của nhóm Bách Việt sống trên đất Tàu và tinh thần chống ngoại xâm. Tất cả tự nguyện, cam tâm tận tụy phục vụ cho các triều đại Trung Quốc (Hán, Đường, Tống, Nguyên (Mông Cổ), Minh, Mãn Thanh). Hơn nữa, trở về với cái xác chết Tứ Thư Ngũ Kinh là tạo cơ hội để Trung Quốc lợi dụng trong mưu đồ Hán hóa người dân Việt để làm bàn đạp tiến xuống Đông Nam Á, ngõ hầu khống chế khu vực Thái Bình Dương đuổi Mỹ ra khỏi châu Á (sic).

Vậy tại sao chúng ta không trở về với xóm làng Việt Nam, nơi dòng sông sinh động của dân tộc Việt Nam đang trôi chảy mà trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh tận bên Tàu? Tại sao chúng ta không trở về với tiếng nói tâm thức dân tộc qua ca dao, tục ngữ, truyện cổ và huyền thoại mà trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh tận bên Tàu? Trở về với dòng sông dân tộc đang trôi chảy trong cuộc sống để **từ đó bước vào ngôi nhà tâm linh Việt Nam**, đến tận cội nguồn văn hóa Việt Nam – Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) nơi chứa đựng tinh hoa cốt lõi của văn hóa Việt Nam.

Trở về tận cội nguồn văn hóa Việt – Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) mà khởi điểm là trở về với chính mình, “*trăm hay xoay vào lòng*”, tự biết mình vì “*ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*”, thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức để hóa giải những vấn nạn của dân tộc Việt Nam, chứ không phải trở về với chủng tộc Bách Việt sống trên đất Tàu.

Hiểu biết về chính mình là tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện **cuộc cách mạng bản thân**, cuộc chuyển hóa tâm thức, ngõ hầu **thay đổi cái nhìn**, nhằm **hóa giải mọi tâm lý nô lệ, ý thức hệ, tư tưởng ngoại nhập**, đã và **đang qui định những hành vi và sự suy tư của mình**. Càng tự biết mình, ánh sáng nội tâm càng dễ phát sinh. Năng lực của nguồn sáng nội tâm sẽ thay đổi cái nhìn hẹp hòi, ích kỷ sang cái nhìn chân xác, trong sáng không còn bị tư dục ràng buộc chi phối, phá bỏ sự ngăn cách của lòng người, thì tình thương phát triển một cách hồn nhiên trong sáng.

“Thuật nhi bất tác”: thủ đoạn gian trá của Khổng Tử, đánh lừa các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu (nhìn dưới góc độ các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu). Napoléon là anh hùng dân tộc Pháp, nhưng dân Đức và Nga coi ông là kẻ xâm lăng. Hitler là anh hùng dân tộc Đức, nhưng người Do Thái coi ông là kẻ thù, nhân loại nhìn Hitler như là kẻ sát nhân khát máu.

Chúng ta có thể học lời hay ý đẹp của Napoléon và Hitler, nhưng không thể tạc tượng, bắt buộc con cháu tôn thờ Napoléon và Hitler. Khổng Tử cũng thế. Chúng ta không thể tôn thờ Khổng Tử như ông Thánh bất khả xâm phạm.

Khổng Tử đánh lận con đen trong việc du nhập yếu tố du mục vào công tác “thuật nhi bất tác”: Thiên tử, trọng nam khinh nữ, độc tôn độc hữu, quân quyền, phụ quyền, nam quyền, tập trung tài sản nơi nhà vua...

Cái đạo đức chuyên lấy của người - “thuật nhi bất tác – khéo léo uốn nắn theo ý của mình đánh lừa thiên hạ với dã tâm đồng hóa các giống dân khác. Đó là sách lược lùi không đánh, giả bộ lấy đạo đức của người để đồng hóa người thành Tàu. Hòa nhi bất đồng là cái màn che giấu mưu đồ thâm kín, hòa để đồng hóa người. Cho nên “hòa” theo kiểu Nho giáo khác với “hòa cả làng” của văn minh sông Hồng, phát xuất từ nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, cách ngày nay khoảng 6000 – 7000 năm.

Đây là sách lược vô cùng thâm độc của họ Khổng. Do đó Mặc Tử đề xướng thuyết khiêm ái (thương mọi người) để chống lại cái giả nhân giả nghĩa của Khổng Tử. Còn Lão Tử chủ trương bình đẳng, tự do, sống hòa với thiên nhiên, trở về với sự chất phác, thuần lương là những giá trị đi ngược lại với chế độ phong kiến nhà Chu, kiến dựng trên quân quyền, phụ quyền, và nam quyền.

Suốt đời Khổng Tử chỉ mong nổi được sự nghiệp của Chu Công. Ông đi khắp nơi thuyết phục chư hầu (đa số thuộc tộc Bách Việt) theo văn hóa và thể chế nhà Chu. Ông bảo như có người dùng ta thì ta làm cho Đông Chu thịnh lên chăng? (Như hữu dụng ngã, ngô kỳ vi Đông Chu hồ? Dương Hóa).

Sau thời gian chu du các nước, để bán rao lý lẽ mà không ai mua, ông trở về nước Lỗ dạy học. Khổng Tử không thấy được lý do thất bại nên lúc nào cũng mong nổi được sự nghiệp của Chu Công. Ông ước ao điều đó lắm, đến nỗi nó ám ảnh ông, khiến ông thường nằm mộng thấy Chu Công. Ta theo Chu (Ngô tông Chu; Luận Ngữ, thiên Bách dật, bài 14). Một hôm tự than rằng quá lắm vậy! Ta suy nhược rồi! Từ lâu, ta chẳng nằm mộng thấy Chu Công (cũ hĩ ngô bất phục mộng kiến Chu Công, Luận Ngữ, thiên Thuật Nhi). Thánh nhân mà sao thường nằm mơ? Có thật không?

Một trong những trí giả gốc du mục sớm nhận thức được hiểm họa văn hóa du mục bị thuần hóa bởi văn hóa Bách Việt có lẽ là Khổng Tử. Ông tìm mọi cách phục hoạt trật tự thể chế nhà Chu, một thể chế mang tính du mục cho nên ông hoàn toàn thất bại vì chủ trương của ông phục hoạt thể chế nhà Chu. Không nước nào chấp nhận để cho nhà Chu tiếp tục thống trị, nhất là các nước thuộc Bách Việt.

Tại sao Khổng Tử khen Quán Trọng hết lời? Vì hai trăm năm trước đó Quán Trọng phối hợp văn hóa với quân sự (bàn tay sắt bọc nhung) đã thành công trong việc dẹp yên, nếu không muốn nói là đàn áp dân Bách Việt (thể hiện lý tưởng BÌNH THIÊN HẠ của đạo Nho), xây dựng nghiệp bá cho Tề Hoàn Công. Chính vì thế mà Khổng Tử đã khen Quán Trọng hết lời: cho đến nay dân chúng còn được hưởng ân đức của ông ấy. Không có ông ấy thì chúng ta phải gióc

(bện) tóc và cài áo bên trái (tả nhậm) như người mọi rợ (Luận Ngữ, thiên Hiến Vấn). Nói cách khác là đã bị Bách Việt hóa.

“Chúng ta (Tàu) phải gióc tóc, và cài áo bên trái như người mọi rợ” đã hé lộ cho chúng ta thấy ý đồ thâm kín của Khổng Tử là “hung Hoa diệt Di” với đầu óc kỳ thị. Như vậy, “thuật nhi bất tác, tính nhi hiếu cổ”, không sáng tác kinh điển mà chỉ san định, chỉ thuật lại đạo cổ xưa, nhưng thực chất là cố uốn nắn khéo léo ưu điểm văn hóa nông nghiệp phương Nam (văn hóa Bách Việt) để che giấu ý đồ củng cố tinh thần văn minh du mục với bàn tay sắt bọc nhung, “ngoại nho nội pháp” theo đúng chỉ đạo văn hóa du mục phong kiến do Chu Công thiết lập trong sách lược hung Hoa diệt Di.

“Thuật nhi bất tác” là viên thuốc độc bọc đường, một thủ đoạn dối trá, xảo quyệt trong sách lược Hung Hoa Diệt Di vô cùng thâm độc; “thuật nhi bất tác” là viên thuốc mê, người dân uống vào là ngoan ngoãn phục tùng giới thống trị độc tài chuyên chế. Chính vì thế mà các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu bị đồng hóa dễ dàng và đất nước trở thành quận huyện của Trung Quốc.

Quyển “Bách Việt Tiên Hiền Chí” là dấu ấn lịch sử cho chúng ta thấy các hiền triết Bách Việt sống trên đất Tàu cam tâm tự nguyện phục vụ cho các triều đại Trung Quốc. Phải chăng vì họ đã thấm nhuần “Tứ Thư Ngũ Kinh”?

Chẳng hạn, dân Man nổi dậy giành độc lập, Lý Tiên (trong danh sách Bách Việt Tiên Hiền Chí) cho là giặc Man, đem quân dẹp yên, được vua Hán khen thưởng. Tôn Văn (Tôn Dật Tiên) không những quên mình thuộc dân Bách Việt (Quảng Đông, Quảng Tây) bị Tàu đồng hóa mà còn cho rằng người Việt Nam có tính nô lệ.

“Có căn tính nô lệ!” Nhưng người Việt Nam giữ được độc lập trải qua các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Lịch sử đã minh chứng sự thất bại thảm hại của Tàu; từ Ngô Quyền (thế kỷ thứ 10) đến Nguyễn Huệ (thế kỷ thứ 18): phong kiến Trung Quốc thuộc tất cả các triều đại Tống (2 lần, 981 – 1076), Nguyên (3 lần, 1258 – 1285 – 1287), Minh (1 lần, 1406), Thanh (1 lần, 1789) đều đã đem quân toan xâm chiếm Việt Nam; tất cả bảy lần, không trừ một lần nào, chúng đều bị dân tộc Việt Nam đánh bại hoàn toàn.

Nói cách khác “thuật nhi bất tác” là bản chất nhân bản, hiếu hòa nông nghiệp bị khúc xạ qua lăng kính bành trướng bá quyền du mục hiếu chiến nhằm phục hoạt thể chế nhà Chu. Cái tài gian xảo của họ Khổng là dùng chiêu bài “thuật nhi bất tác”, che giấu khéo léo bản chất đặc thù du mục để đánh lừa thiên hạ. Họ Khổng đã du nhập yếu tố du mục vào thuật nhi bất tác: Thiên tử, trọng nam khinh nữ, chuyên chế với pháp hình, độc tôn độc hữu, quân quyền, phụ quyền, nam quyền tập trung tài sản nơi nhà vua.

Mặt khác Kinh Thi do Khổng Tử san định lại có một quan niệm bao trùm tất cả dưới vòm trời này đều của vua (dĩ nhiên là vua Tàu). “Khắp nơi dưới vòm trời này có đất nào không phải là của vua. Bất kỳ ai ở bên bờ nào không phải là thần dân của vua”. Bài thơ này rất có thể do Khổng Tử sửa chữa hay ngụy tạo. (Thường Nhược Thủy, Cuộc Xâm Lăng Không Tiếng Súng, Tủ Sách Việt Thường, năm 2005, Trang 159).

Sự gian xảo của Khổng Tử trong công tác thuật nhi bất tác: loại bỏ cơ cấu làng xã để bóp chết tinh thần dân chủ, thui chột tinh thần dân tộc, làm băng hoại ý chí tự chủ và tinh thần chống ngoại xâm của các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu.

Trong tiến trình phát triển từ cá nhân qua gia đình đến làng xã tự trị (môi trường thể nghiệm sinh hoạt trách nhiệm cộng đồng) dọn đường cho trách nhiệm công dân để phục vụ đất nước với ý thức dân tộc đậm đà (trong tinh thần dân chủ). Khổng Tử đã cố ý loại bỏ “**cấu trúc làng xã**” vì nó không thể có chỗ đứng trong phần dựng của mô hình chuyên chế độc tài du mục. (Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 46). Tần Thủy Hoàng theo đà của Khổng Tử tiếp tục bóp chết qui chế làng xã tự trị bằng hệ thống kiểm soát ngũ hiên gia bảo ở nông thôn. Loại bỏ cơ cấu làng xã là bóp chết tinh thần bản địa của từng nhóm nhân văn trong môi trường sống hiện thực của nó. Đó là lý do giải thích tại sao các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu bị đồng hóa và không còn ý chí giành độc lập.

Đây là hệ quả của mưu đồ bóp méo cái thể của nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước cho thích ứng với cái dụng theo định hướng du mục độc tôn, độc hữu của tộc Hoa (Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 46).

Có thể nói “thuật nhi bất tác” (Tứ Thư Ngũ Kinh) là viên thuốc độc bọc đường, uống vào là ngoan ngoãn tuân phục, cam tâm phục vụ giới thống trị.

Qua ảnh hưởng sâu đậm của Khổng Tử với Tứ Thư Ngũ Kinh, và môn sinh của ông đối với Trung Quốc và “thiên hạ”, chúng ta thấy mô hình Khổng môn đối với Trung Quốc được các nhà Trung Quốc học, trong đó có giáo sư W.J. Jenner coi như gong kim khắc nghiệt của lịch sử. Trung Quốc sẽ không bao giờ dân chủ hóa nổi, vì nó bóp chết ý tưởng công dân, vì tính chuyên chế của nó. (Thường Nhược Thủy, Cuộc Xâm Lăng Khổng Tiêng Súng, năm 2005, Trang 163). Nói một cách ngắn gọn ở Trung Quốc hễ **tự do** là loạn, **thống nhất** là độc tài, toàn trị.

Lịch sử cho thấy từ Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên (Mông Cổ), Minh, Thanh (Mãn Thanh), tất cả các triều đại đều cho dân Tàu uống viên thuốc độc bọc đường – Tứ Thư Ngũ Kinh – để thực hiện chánh sách độc tài chuyên chế. Uống viên thuốc độc Tứ Thư Ngũ Kinh vào là ngoan ngoãn phục tùng giới thống trị. Cho nên như đã trình bày, **suốt hơn hai ngàn năm qua các tộc Bách Việt sống ở Trung Quốc không vận động nổi một phong trào giành độc lập nào.**

Trong thời cách mạng văn hóa ở Trung Quốc thập niên 1960, Khổng Tử từng bị lên án là kẻ tay sai bật nhất của nền phong kiến Trung Hoa. Gần đây tư tưởng Khổng Tử được phục hồi và giữ ảnh hưởng quan trọng trong đời sống thường nhật tại Trung Quốc. Trung Cộng đã bắt đầu cho áp dụng việc giảng dạy một số đoạn trong Tứ Thư Ngũ Kinh vào bậc tiểu học và vào khoảng tháng 8 năm 2005 đã công bố sẽ trùng tu quê hương Khổng Tử tại Khúc Phụ.

Cho nên đi tìm yếu tố cốt lõi của nền văn minh Việt Nam trong Tứ Thư Ngũ Kinh – Nho Giáo – ở tận bên Tàu là con đường không hợp tình hợp lý đối với dân tộc Việt Nam (người viết muốn nói là dân tộc Việt Nam chớ không phải là bộ tộc Lạc Việt; bộ tộc Lạc Việt đã hội nhập vào cộng đồng cư dân ở đồng bằng sông Hồng và sông Mã hình thành dân tộc Văn Lang từ thời vua Hùng dựng nước... rồi Việt Nam).

Đi tìm nguồn gốc văn hóa Việt Nam trong Nho giáo (Tứ Thư Ngũ Kinh) vô cùng nguy hiểm: 1) dân tộc Việt Nam có thể bị đồng hóa trở thành Tàu như các tộc Bách Việt sống ở Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam...). 2) Tàu Cộng sẽ lợi dụng dân tộc Việt Nam làm đoàn quân xung kích trong mặt trận văn hóa biển Đông Nam Á và Đông Bắc Á thành một khu vực văn hóa rộng lớn ngoài lãnh thổ Tàu, chịu ảnh hưởng của Nho giáo (Tứ Thư Ngũ Kinh) và cùng tôn thờ Khổng Tử. 3) mặt khác, tình thương, hài hòa, nhu thuận, hiền hậu, bao dung, khoan hòa, tình nghĩa... **ở trong tâm con người, chớ không ở chữ nghĩa**, Tứ Thư Ngũ Kinh. Chữ nghĩa chỉ mô tả sự thực chứ không phải là sự thực.

Tập đoàn cộng sản Hà Nội đã và đang tiếp tay Trung Cộng, cưỡng ép xây miếu thờ Khổng Tử ở các làng xã, phá nát cơ cấu nền tâm thức dân tộc ở thôn quê; lập học viện Khổng Tử để Tàu hóa tim óc giới trí thức Việt Nam; gởi cán bộ văn hóa sang Trung Quốc tu nghiệp về văn hóa Tàu – Nho giáo, Tứ Thư Ngũ Kinh để thực hiện sách lược đồng hóa người Việt Nam thành người Tàu như dân Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, và Vân Nam...

Xây miếu thờ Khổng Tử, lập học viện Khổng Tử là thiết lập đồn lũy văn hóa thành thế liên hoàn tấn công liên tục toàn diện tinh hoa nền tâm thức dân tộc. Việt Nam là thí điểm trong kế hoạch bóp chết tinh thần bản địa của tung nhóm nhân văn trong môi trường sống hiện thực của nó, trong sách lược dùng đạo Nho của Khổng Tử với tham vọng lãnh đạo tư tưởng thế giới (tham vọng ảo tưởng của kẻ mộng du).

Trung Quốc chi tiền khá nhiều thiết lập trên 40 học viện Nho giáo tại nhiều quốc gia Tây phương và Bắc Mỹ với ý đồ **xâm thực toàn diện văn hóa trên thế giới** (sic) trong những năm tới (mộng chưa thành, Trung Quốc có thể bị nội loạn như đã từng bị trong lịch sử).

Thủ đoạn gian trá của Trung Quốc trong sách lược đồng hóa dân tộc Việt Nam thành người Tàu.

Thừa hưởng mảnh khóc gian trá của Khổng Tử và thủ đoạn dối trá xảo quyết thuật nhi bất tác, Trung Cộng đang thực hiện một sách lược vô cùng thâm độc bao gồm cả diện (hư) lẫn điểm (thực) tạo hỏa mù trong mưu đồ đồng hóa dân tộc Việt Nam trở thành người Tàu. Họ đang dùng “chiêu bài chủng tộc Bách Việt” để đánh lừa giới khoa bảng trí thức và những người học đòi theo khoa bảng. Cán bộ văn hóa Trung Cộng và Việt Cộng đang thực hiện kế hoạch bàn tay sắt bọc nhưng cưỡng bách tinh thần người Việt Nam trong sách lược tìm tinh anh văn hóa Việt Nam trong Tứ Thư Ngũ Kinh.

Khổng Tử chỉ san định, chỉ thuật lại đạo xưa của các tộc Bách Việt. Đạo Nho là của Bách Việt chứ không phải của Tàu. Người Việt Nam phải xây miếu thờ Khổng Tử vì ông đã san định, đã công thức hóa những tinh hoa văn hóa của các tộc Bách Việt thành Tứ Thư Ngũ Kinh, lưu truyền cho đến ngày nay và muôn đời. Đạo Nho (Tứ Thư Ngũ Kinh) là một gia tài tinh thần quý báu vô cùng của tộc Bách Việt, tổ tiên của người Việt Nam.

Đảng cộng sản Trung Quốc đã nhận thấy được giá trị siêu việt(!) của Nho giáo qua Tứ Thư Ngũ Kinh gói ghém tinh hoa văn hóa Bách Việt. Cho nên Đảng và nhà nước Trung Quốc đã bắt

đầu cho áp dụng việc giảng dạy một số đoạn trong Tứ Thư Ngũ Kinh vào bậc tiểu học và đã trùng tu quê hương Khổng Tử tại Khúc Phụ.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc cũng ý thức được rằng 70% dân Trung Quốc hiện nay thuộc gốc các tộc Bách Việt; Tàu là dân du mục từ Tây Bắc đến và lai giống với dân bản thổ. Như vậy Tàu cũng thuộc Tứ Di. Vậy dân tộc Việt Nam và nhân dân Trung Quốc trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh tức trở về văn hóa Bách Việt, một nền văn hóa siêu việt của khối Tứ Di mà Bách Việt là đại diện.

Nhân dân Trung Quốc và dân tộc Việt Nam cần phải phục hoạt Nho Giáo. Người Việt Nam cắt đứt với Nho giáo là cắt đứt với tư tưởng của tổ tiên. Muốn hiểu tổ tiên, người Việt Nam phải học Tứ Thư Ngũ Kinh (Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu). Bộ giáo dục của Trung Quốc đã và đang đưa Tứ Thư Ngũ Kinh vào học đường từ tiểu học cho đến đại học. Như vậy, nhân dân Trung Quốc và dân tộc Việt Nam trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh là hợp tình hợp lý. Tất cả đều là anh em, tứ hai giai huynh đệ, đồng thời xây dựng Đông Bắc Á và Đông Nam Á thành khu vực chịu ảnh hưởng của Đạo Nho do Bạch Việt sáng tạo và cùng tôn thờ Khổng Tử.

Hai đảng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam cùng trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh, mang tinh hoa của văn hóa Bách Việt soi sáng khắp thế giới. Nhân loại sẽ có ánh sáng mới. Ánh sáng văn hóa Bách Việt với Đạo Nho qua Tứ Thư Ngũ Kinh (Nho học). Như vậy, chúng ta sẽ lãnh đạo tư tưởng thế giới mà Khổng Tử là nhạc trưởng điều hợp ban hòa tấu triết học cả Đông lẫn Tây.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc đang nỗ lực giúp dân tộc Việt Nam trở về với 70% dân Trung Quốc thuộc gốc Bách Việt sống trên đất Tàu (sic) cùng nhau tìm tòi học hỏi Tứ Thư Ngũ Kinh trở về tận cội nguồn văn hóa tổ tiên, nhận lại tư tưởng tinh anh của tổ tiên (sic). Dân tộc Việt Nam trở về với đại khối Bách Việt ở trên đất Tàu. Lãnh thổ Việt Nam **được** trở thành quận huyện của Tàu. Như vậy đất nước của đại tộc Bách Việt được mở rộng đến mũi Cà Mau (sic).

Thủ đoạn gian trá này không đánh lừa được 95% người Việt Nam, không đọc được Tứ Thư Ngũ Kinh, không biết ông Khổng Tử là ai, nhất là những người sống ở thôn quê. Họ sống thực; thuận lý theo thiên nhiên sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người ngay tại đây và bây giờ (là **sống đạo**). Cho nên họ không cần những định nghĩa, những khái niệm trong Tứ Thư Ngũ Kinh. Họ sống tương nhượng **hài hòa** (*hòa cả làng*), **bao dung** (*chín bỏ làm mười*), sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình, chan hòa tình người, thích nghi, hội nhập vào dòng sống dân tộc đang trôi chảy.

Họ sống thoải mái tự nhiên, tận hưởng những gì đang có trong tầm tay, không bị điều kiện hóa bởi Tứ Thư Ngũ Kinh hay ý thức hệ nào, thích ứng thích nghi với môi trường sống, không bị đông cứng trong một khuôn mẫu. Giúp đỡ ai là phát xuất từ lòng trắc ẩn, “*thấy người hoạn nạn nở quên sao đành, thương người bớt miệng mà cho*”, chứ không phải do ông Khổng Tử hay một người đặc đạo nào chỉ dạy.

Mặt khác làng xã Việt Nam là một thành lũy kiên cố bảo vệ văn hóa dân tộc Việt Nam, nơi đãi lọc và Việt hóa văn hóa ngoại nhập để thích hợp với tâm tư tình cảm của người Việt. Nếp sống nhân bản dân tộc, hiện thực, và tâm linh, lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc. Cơ cấu làng xã (*xã thôn tự trị*) thể hiện tinh thần dân chủ (*phép vua thua lệ làng*) dung hợp được tư

do và bình đẳng (*công bằng là đạo người ta ở đời*) đã ngăn chặn được chánh sách đồng hóa vô cùng thâm độc của giới thống trị phương Bắc hơn một ngàn năm Bắc thuộc.

Lịch sử cho chúng ta thấy từ ngàn xưa cho đến ngày nay chỉ có dân tộc Việt Nam đồng hóa người Tàu, chứ Tàu chưa bao giờ đồng hóa được dân tộc Việt Nam. Tàu chỉ đồng hóa được nhóm Bách Việt sống trên đất Tàu. Nhóm Mã Lưu (người Tàu do Mã Viện đưa sang Việt Nam) dần dần đã hội nhập vào cộng đồng dân tộc Việt Nam. Gần đây các vua Trần, Hồ Quý Ly, Chu Văn An, Trịnh Hoài Đức, Phan Thanh Giản đều là người Việt gốc Tàu.

Bắc Kinh biết rõ điều này hơn ai hết. Cho nên sách lược đồng hóa lần này tinh vi hơn, gian trá hơn, thâm độc hơn sách lược của Quản Trọng, Khổng Tử, Chu Nguyên Chương nhà Minh, vì Trung Quốc quyết tâm trở thành “cường quốc biển” như Hoa Kỳ. Muốn làm chủ biển Đông và Thái Bình Dương thì phải biến Việt Nam thành Quảng Đông, Quảng Tây.

Mặt khác, bằng mọi cách Trung Quốc phải thắng trong các cuộc đấu thầu trong ý đồ đưa dân Tàu vào Việt Nam chiếm chỗ lao động khắp nơi từ bắc chí nam. Rồi cưới vợ Việt, sinh con cái, lập làng Tàu trong lòng dân tộc Việt Nam. Đó là hiện tượng đã và đang xảy ra trong sách lược đưa dân tộc Việt Nam hội nhập vào khối Bách Việt sống trên đất Tàu và trở về Tú Thư Ngũ Kinh, cốt lõi văn hóa Bách Việt (sic), cùng tôn thờ Khổng Tử.

Thế nên Bắc Kinh đã và đang mở một mặt trận toàn diện thành thế liên hoàn bao gồm mọi mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế, quân sự, tôn giáo, nhưng văn hóa là then chốt, văn hóa là linh hồn của dân tộc. Mặt trận văn hóa sụp đổ đất nước sẽ bị xóa tên trên bản đồ thế giới.

Rút kinh nghiệm lịch sử, Bắc Kinh chủ trương trước hết Tàu hóa tim óc của giới lãnh đạo Đảng, chính phủ, quốc hội cho đến địa phương, tỉnh ủy, huyện ủy, đồng thời tìm cách phá nát cơ cấu làng xã để thui chột tinh thần dân tộc, làm băng hoại tâm thức người dân ở thôn quê. Trung Cộng sẽ giúp Việt Nam đào tạo một ngàn (1000) tiến sĩ từ nay đến năm 2020. Đó là những tướng lãnh sống trong lòng dân tộc Việt Nam chỉ huy đoàn quân xâm thực văn hóa của Trung Cộng. Dân tộc Việt Nam đang đứng trước hai kẻ thù: nội xâm và ngoại xâm.

Họ lợi dụng triệt để một số khoa bảng và học đòi theo khoa bảng, với tinh thần nô lệ, câu nệ vào chữ nghĩa, kinh sách chủ trương “muốn tìm về văn hóa Việt, nếu bỏ Nho thì chỉ tìm lấy ngọn chừ chưa đến gốc của văn hóa vì Nho giáo chứa đựng những hằng số của văn minh nước ta”. Bắc Kinh sẽ biến nhóm người này trở thành “đạo quân xung kích” để thuyết phục người Việt Nam tìm tòi học hỏi Tứ Thư Ngũ Kinh, nhận lại tinh anh của tư tưởng tổ tiên, trở về với 70% dân Tàu thuộc gốc Bách Việt đang sống trên đất Trung Quốc, tôn thờ Khổng Tử như một ông thánh bất khả xâm phạm.

Tuy thủ đoạn tinh vi và thâm độc, nhưng đây là tham vọng ảo tưởng của kẻ mộng du. Với đầu óc tự tôn tự đại Bắc Kinh đánh giá sai lầm về dân tộc Việt Nam. Họ không thấy được sự khác biệt giữa chủng tộc Bách Việt và dân tộc Việt Nam. Họ lẫn lộn giữa dân tộc Việt Nam với các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu. Các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu vì cái bả “Tứ Thư Ngũ Kinh” (viên thuốc độc bọc đường) nên tinh thần dân tộc bị thui chột, ý chí tự chủ bị tê liệt, tinh thần chống ngoại xâm bị băng hoại, hồn nước cũng mất, nên họ không tạo được một cuộc nổi dậy nào để đòi quyền tự quyết suốt hơn hai ngàn năm qua. Các hiền triết Bách Việt trong danh sách “Bách Việt Tiên Hiền Chí” được nuôi dưỡng, trưởng thành trong môi trường Khổng giáo,

đương nhiên họ thi thố tài năng với sở trường học được trong Tứ Thư Ngũ Kinh. Cho nên họ tự nguyện cam tâm, tận tụy phục vụ các triều đại Trung Quốc.

Trái lại, dân tộc Việt Nam tìm mọi cách dung hòa hội nhập, Việt hóa mọi sở đắc của các hiện tượng ngoại nhập của Hoa, của Ấn, của Nam đảo, của Âu-Tây, của Bắc Mỹ... “cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật” (Trần Quốc Vượng). Nhưng không chấp nhận sự đồng hóa cưỡng bức và không cúi đầu làm nô lệ, được thể hiện qua tinh thần “thà làm quỷ nước Nam hơn làm vương đất Bắc” (Trần Bình Trọng). Tinh thần chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam được tôi luyện trở thành truyền thống bất khuất chống ngoại xâm. Tinh thần dân tộc được kết tinh trong tâm thức của dân tộc từ ngàn xưa. Người dân Việt thường được nhắc nhở: xem các hiện tượng ngoại nhập (Nho – Lão – Phật...) như rế, dép, giày.

*Có rế thì đỡ nóng tay,
Có dép, có giày thì đỡ nóng chân.*

Hoặc,

*Ăn sung ngồi gốc cây sung,
Lấy anh thì lấy nằm chung không nằm.*

Và xem người tôn sùng hiện tượng ngoại nhập như con rùa rút đầu:

*Thương thay thân phận con Rùa
Lên đình đội hạc, xuống chùa đội bia.*

Hơn nữa dân tộc Việt Nam được hun đúc rèn luyện trong hoàn cảnh của môi trường khắc nghiệt của thiên nhiên. Cho nên người Việt thừa can đảm và nghị lực để vượt qua cái thối của thế gian thường tình. Thiên nhiên còn không sợ (trông cho chân cứng đá mềm) tìm cách thích ứng, thích nghi vượt qua thì không có đế quốc nào có thể đánh gục được dân tộc Việt Nam, sá chi Trung Cộng.

Có lẽ Bắc Kinh quên sự thất bại thảm hại khi bành trướng xuống phương Nam từ Ngô Quyền (thế kỷ thứ 10) đến Nguyễn Huệ (thế kỷ thứ 18), Trung Quốc thuộc tất cả các triều đại Tống hai lần (981 – 1070), Nguyên ba lần (1258, 1285, 1287), Minh một lần (1406), Thanh một lần (1789) đều đem quân toan xâm chiếm Việt Nam; tất cả bảy lần, không trừ một lần nào, Trung Quốc đều bị dân tộc Việt Nam đánh bại hoàn toàn.

Năm 1979, Đặng Tiểu Bình đòi dạy cho Việt Nam một bài học, nhưng đoàn quân xâm lăng cũng ôm đầu máu trở về Tàu. Bắc Kinh quên rằng dân tộc Việt Nam (chứ không phải các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu) đã được tôi luyện trong tinh thần: còn nước còn tát.

*Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo
Còn da lông mọc còn chồi lên cây.*

Do tinh thần bất khuất này đã đưa dân tộc Việt Nam đến chỗ cùng sinh cùng tử, thề cùng non sông cùng mất còn:

*Có nên thì nên lớp này
Không nên thì chết cả mày lẫn tao.*

Hay là:

Chết một đống, còn hơn sống một người.

Có lẽ những lời này dễ đi vào lòng người Việt Nam hơn là những lời chỉ dạy trong Tứ Thư Ngũ Kinh.

Mặt khác, với đầu óc độc tôn độc hữu, xác xược của một cường quốc, Bắc Kinh tiên đoán sai lầm về kết quả của sách lược đồng hóa dân tộc Việt Nam. Không phải tất cả các nhà lãnh đạo Đảng Cộng Sản và trí thức Việt Nam chấp nhận làm nô lệ cho Trung Quốc. **Với trào lưu khai dân trí trên mạn lưới tin học, giới trẻ Việt Nam không chấp nhận cái xác chết Nho giáo của cư dân sống ở châu thổ sông Hoàng Hà và sông Dương Tử thời xa xưa cách ngày nay khoảng 3000 năm.** Họ cũng không chấp nhận cảnh “gà què ăn quần cối xay”, cái cối Tứ Thư Ngũ Kinh. Mỗi dân tộc có môi trường sống riêng; môi trường sống của dân tộc Việt Nam là đồng bằng sông Mã và sông Hồng, chứ không phải là môi trường sống ở đồng bằng sông Dương Tử và sông Hoàng Hà của nhóm Bách Việt ở tận bên Tàu. Điều họ quan tâm là “chất xám”, “sáng tạo”, và “tùy” (tùy thời, tùy việc, tùy chỗ, tùy người...) để đi tới chứ không đi tìm cái hào quang quá khứ của Bách Việt sống trên đất Tàu để tiếp tục nghèo đói lạc hậu (xem chi tiết Dân Tộc Việt Nam và Chung Tộc Bách Việt).

Hơn nữa, Đại Hàn, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á, Tân Tây Lan, Úc, Ấn Độ, Âu Châu, Hoa Kỳ... có chịu ngồi im để Trung Quốc làm chủ biển Đông và Thái Bình Dương không?

Mặt khác, chưa Tàu hóa được trí thức và người dân Việt Nam thì Trung Quốc có thể bị nội loạn như đã từng bị trong lịch sử. Lúc đó, mộng trở thành “cường quốc biển” tan theo mây khói. Bắc Kinh sẽ phải “quay đầu vào núi” như ngày xưa để giải quyết nội bộ. Bắc Kinh không rõ sau gậy của mình: hễ **tự do** là loạn, **thống nhất** thì độc tài tàn bạo.

Bắc Kinh cũng quên dân tộc Việt Nam là dân nông nghiệp trồng lúa nước. Họ “*trông coi trời đất, liệu thời làm ăn*”. Cho nên, họ có đủ kiên nhẫn chờ đợi, mua thời gian, ngu si hưởng thái bình, chờ, ngày xưa chờ cả ngàn năm, chờ cho đến hội đủ thiên thời, địa lợi, và nhân hòa mà vùng dậy.

Người Việt Nam thường được nhắc nhở qua biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng trong cái tốt có cái xấu, trong cái xấu có cái tốt; cho nên, chính mặt trận văn hóa giữa Tàu và Ta đang tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam củng cố và phát huy nội lực (tinh thần dân tộc), đồng thời đẩy mạnh trào lưu khai dân trí và khai tâm, **tạo một nội lực tổng hợp** trong thể liên hoàn, với óc sáng tạo để hóa giải sức ép của mọi thể lực quốc tế (chính trị, kinh tế, ý thức hệ, ngoại giao, tôn giáo v...v...) trong xu thế toàn cầu hóa.

Tại sao chúng ta không trở về dòng sống sinh động đang trôi chảy trong xóm làng, với tiếng nói tâm thức của dân tộc qua ca dao, tục ngữ, truyện cổ, và huyền thoại để từ đó bước vào ngôi nhà tâm linh đến tận cội nguồn của văn hóa dân tộc Việt Nam – Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) – mà lại đi vay mượn những yếu tố đặc thù của văn hóa Bách Việt trên đất Tàu trong Tứ Thư Ngũ Kinh đã bị Không Tử uốn nắn qua lăng kính du mục để người dân ngoan ngoãn phục vụ giới thống trị.

Như chúng ta đã biết suốt chiều dài lịch sử hơn hai ngàn năm, Nho giáo của Khổng Tử qua Tứ Thư Ngũ Kinh lúc nào cũng bị giới thống trị (Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, Dân Quốc, Cộng Sản) lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thông trị nghĩa là Tứ Thư Ngũ Kinh như cây gậy thần uốn nắn con người **phát huy lòng trung thành bẩm sinh** để ngoan ngoãn tuân phục giới thống trị. Nó là phương tiện hữu hiệu của giới thống trị duy trì chế độ độc tài bạo tàn và chuyên chế.

Trở về với cái xác chết Nho giáo nghĩa là trở về với chữ nghĩa, khái niệm, định nghĩa, mà ai cũng biết chữ nghĩa, định nghĩa, khái niệm chỉ mô tả sự thực chứ không phải sự thực. Hơn nữa, trở về với cái bả Tứ Thư Ngũ Kinh (viên thuốc độc bọc đường) để bị Tàu lợi dụng thực hiện chính sách đồng hóa dân tộc Việt Nam.

Mặt Thật Của Khổng Tử

Theo ông Vương Sóc, nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc, được sắp thứ ba sau Kim Dung và Lỗ Tấn đã nhận định Khổng Tử là người nói một đằng làm một nẻo: Ông ta (Khổng Tử) đi chu du một loạt nước chẳng qua là để chạy vạy, kiếm một chút chức tước. Ông ta nói nhân nghĩa, nhưng đã làm được quan rồi thì vẫn độc ác, tàn nhẫn như thường, làm được mấy ngày Đại Tư Khẩu thì giết Thiếu Chính Mão (Vương Sóc, Người Đẹp Tặng Ta Thuốc Bùa Mê, N.X.B. Văn Hóa Dân Tộc, 2002, Trang 320).

Vương Sóc: Phải đấy, ông ấy học ở đâu nhỉ? Ông ấy có thầy giáo không nhỉ? Khổng Tử ấy mà. Ông ấy bảo ba người cùng đi tất có người làm thầy của tôi. Nhưng ông ấy cùng đi với bao nhiêu là người, mà tôi có thấy ông ấy vái ai làm thầy đâu? (Vương Sóc, sđd, Trang 291).

Mặt khác, nghe nói Khổng Tử đã từng sửa chữa “Kinh Thi”. Qua sửa chữa của ông ấy, chỉ còn lại 300 bài hiện nay ta vẫn đọc, còn những tám phần mười đều bị các lý lẽ của ông ấy bác đi hết, không có Khổng Tử **biết đâu bây giờ chúng ta còn được đọc thêm mấy bài thơ của Tiên Tần**. Mỗi triều đại ở Trung Quốc, đều viết sách, đều phải sửa chữa nhiều, nhất là “Tứ khó toàn thư” đời nhà Thanh biên soạn, di sản bị tiêu diệt là bao nhiêu, con người bây giờ cũng khó làm rõ lắm, dù sao thì số lượng cũng không phải ít. Nghe nói Khổng Tử còn soạn cả “Xuân Thu”, sử biên niên của nước Lỗ. Ngoài ra Khổng Tử sửa chữa điển tịch của người trước, so với việc đốt sách của Tần Thủy Hoàng cũng không khác gì đâu. Những sách bị sửa chữa không bao giờ tìm thấy nữa, chẳng phải cũng giống như đem đốt đi hay sao? (Vương Sóc, sđd, Trang 292).

Miệng thì nói “thuật nhi bất tác”, nhưng óc thì mơ thấy Chu Công, tay ghi thêm yếu tố du mục để phục hoạt và củng cố thể chế nhà Chu. Một thể chế mang tính phong kiến độc tài chuyên chế do Chu Công thiết lập trong ý đồ thâm kín Hưng Hoa Diệt Di, với đầu óc kỳ thị của họ Khổng như đã trình bày ở phần trên. Họ Khổng lại gian trá xảo quyết loại bỏ cơ cấu làng xã với ý đồ “bóp méo cái thể của nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước cho thích ứng với cái dụng theo định hướng du mục độc tôn độc hữu của dân tộc Hoa” (Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 24).

Điểm đáng lưu ý là mô hình do Khổng Tử và môn sinh kiến lập có một hấp lực rất lớn đối với các chế độ toàn trị vì hình thức giả hình “ngoại Nho (hay ngoại Vương), nội Pháp”. Từ một tên lưu manh đái vào mũ nhà Nho, Lưu Bang chấp nhận thành một kẻ tôn thờ Khổng Tử dù chỉ là bề ngoài. Nhà Thanh, một kẻ ngoại xâm đã được tập đoàn nho sĩ chấp nhận phục vụ, coi như là một triều đại chính thống, chỉ vì Thuận Trị theo lời khuyên của Hán (nho) gian làm một cuộc

tế Không Tử trước Quốc Tử Giám. Tin tức lan truyền nhanh chóng trong thiên hạ, rất nhiều người Hán rơi lệ, các nho sinh, địa chủ các vùng nghe tin cảm động vô cùng, cảm thấy vị Hoàng Đế Đại Thanh không còn là một nhân vật dị tộc nữa, mà thực là “đệ tử Thánh môn, là chân mệnh thiên tử giáng phàm”, nên ý tưởng phản Thanh lúc đầu giờ đây cũng tan biến cả. Gần đây thủ đoạn chính trị tương tự và thủ pháp thống trị cũng đang được Trung Cộng áp dụng. Trung Cộng đã bắt đầu cho áp dụng việc giảng dạy một số đoạn trong Tứ Thư Ngũ Kinh vào bậc tiểu học và vào khoảng tháng 8 năm 2005 đã công bố sẽ trùng tu quê hương Không Tử tại Khúc Phụ thành một điểm du lịch. Giang Trạch Dân đề cập đến chính sách “Đại Đồng”. Hồ Cẩm Đào đề cập tới thời Tiểu Khang trong thiên Lễ Vận của sách Lễ Ký để áp dụng việc chấp nhận cho giới tư sản được gia nhập đảng và các đảng viên được tham dự vào các sinh hoạt kinh tế.

Nhìn chung Không Tử vẫn còn giá trị lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thống trị. “Như vậy thì Không Tử, nên coi là vạn thế sư biểu hay là thiên cổ tội nhân đối với Trung Quốc nói riêng và nền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ nói chung của Việt Nam và Đông Nam Á” (Cuộc Xâm Lãng Không Tiếng Súng, Mặt Trận Văn Hóa Giữa Ta và Tàu Suốt Hơn Hai Ngàn Năm Qua Vẫn Còn Đang Tiếp Diễn Vô Cùng Khốc Liệt, Trang 163 – trên website www.tusachvietthuong.org).

Thay Lời Kết

Trái đất hình như nhỏ lại, thời gian và không gian thu bớt khoảng cách, chỉ cần mở máy điện toán, con người trên thế giới xa cách hàng vạn dặm có thể tiếp xúc trực tiếp với nhau như ngồi đối diện. Con người và các dân tộc xích lại gần nhau, hội nhập hài hòa đang muốn xây dựng căn nhà chung cho thế giới tương lai; nhưng bản sắc của các dân tộc không thể hòa tan thành một khối trong xu thế toàn cầu hóa.

Sống hài hòa trong tính người và tình người trong căn nhà chung (trái đất), cùng tưới tắm bởi một suối nguồn yêu thương vô tận của trời đất, và cùng một nguồn sống (thiên nhiên), nhưng mỗi dân tộc muốn tồn tại, không bị xóa tên trên bản đồ thế giới thì phải duy trì và phát huy bản sắc dân tộc; đó là ý thức dân tộc “nội lực dân tộc – bao hàm ý thức bảo tồn, truyền thừa và phát triển các giá trị vĩnh hằng do dân tộc Việt Nam (chứ không phải chủng tộc Bách Việt) sáng tạo và tích lũy qua quá trình lịch sử – nhằm duy trì dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc và phát huy ngày thêm tốt đẹp” (Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, Tủ Sách Việt Thường, Năm 2000, Trang 7).

Đó là điều kiện “**cần**” và “**đủ**” (mở mang dân trí với khai tâm) để tồn tại trong xu thế toàn cầu hóa, chứ không phải trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh hay khối dân Trung Quốc, thuộc chủng tộc Bách Việt đang sống trên đất Tàu. Như vậy chỉ những người Việt Nam giỏi chữ Hán, chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Trung Quốc nhiều đời và những người học đòi theo họ tự nguyện trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh.

Nếu họ và hai Đảng Cộng Sản Trung Quốc và Việt Nam thành công trong sách lược đồng hóa dân tộc Việt Nam trở thành người Tàu như dân Quảng Đông, Quảng Tây, Triết Giang, Phúc Kiến, v.v.... **Nước Việt Nam sẽ thành quận huyện của Trung Quốc.**

Dân tộc Việt Nam muốn tồn tại và Việt Nam không bị xóa tên trên bản đồ thế giới thì **phải thành công trong cuộc chiến chống xâm thực văn hóa của Trung Quốc được sự tiếp tay của**

những người Việt Nam chịu ảnh hưởng văn hóa và chính trị của Trung Quốc và những người Việt Nam bị điều kiện hóa bởi “chủng tộc Bách Việt” (xem dân tộc Việt Nam và chủng tộc Bách Việt trên website www.tusachvietthuong.org).

Điều cần phải làm là hội nhập vào dòng sống dân tộc đang trôi chảy của cuộc sống theo đà tiến hóa để hoàn thiện và thăng hoa cuộc sống và con người.

Mặt khác, như đã trình bày trong nhiều bài viết của Tủ Sách Việt Thường, tình thương, trí tuệ, hài hòa, vị tha, bao dung, nhẫn nhục, tương nhượng, v.v... ở **trong lòng người** (trong tâm), chứ không phải ở trong sách vở hay kinh điển. Cho nên, việc khẩn thiết là **mọi người tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức**, “một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người” (Krishnamurti), tái thiết con người trên **tình thương** để đặt con người (nam và nữ) trở lại đúng **cơ năng và bản vị** đích thực của con người.

Đó là khởi điểm trở về tận cội nguồn văn hóa của dân tộc Việt Nam, Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất), nơi chứa đựng những yếu tố nhân bản cốt lõi của văn hóa Việt Nam nói riêng và của các dân tộc trên thế giới nói chung.

Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) bao hàm con người và cuộc sống mà khởi điểm là trở về với chính mình thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức là **mẫu số chung của các dân tộc** để chung sống trong xu thế toàn cầu hóa, trong nền văn minh nhân bản chan hòa tính người và tình người.

Cần biết thêm chi tiết xin lên trên website đọc những bài viết sau đây:

- 1) Trăm Hay Xoay Vào Lòng
- 2) Cội Nguồn Của Văn Hóa Việt Nam: *Thiên Nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất)*
- 3) Tình Thương Trong Nền Văn Hóa Việt
- 4) Khổng Tử và Các Nho Gia Khổng Môn Đã Hình Thành Dân Tộc và Đất Nước Trung Quốc Như Thế Nào?
- 5) Dùng Kính Hiển Vi Soi Rọi Tìm Nguồn Gốc Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Trong Tứ Thư Ngũ Kinh
- 6) Quốc Gia Nạn và Dân Tộc Nạn

Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org